

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2020

V/v ly hôn giữa chị N và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa***

Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Anh D, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15-9-2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:*

Chị và anh Phạm Anh D kết hôn ngày 10-3-2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ chồng ở xóm 3, xã H, huyện H. Đến tháng 12-2017 vợ chồng cùng đi làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên vắng nhà không nói rõ lý do. Từ tháng 07-2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị đến tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm việc, còn anh D làm việc tại

Thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị xác định không thể hàn gắn tình cảm được nên xin được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 07-9-2017, hiện con đang ở với chị. Chị nhận trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra anh D còn có 01 con riêng là cháu Phạm Ngọc Như K, sinh năm 2007 đang ở với anh D; chị đề nghị anh D phải tự chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con riêng của mình.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 27-10-2020, bị đơn anh Phạm Anh D trình bày:*

Anh thống nhất với chị N về việc kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh thống nhất với chị N, vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 07-9-2017 hiện đang ở với chị N. Anh đồng ý để chị N nuôi con, anh không phải cấp dưỡng. Ngoài ra anh có con riêng là cháu Phạm Ngọc Như K, sinh năm 2007 đang ở với gia đình anh, anh nhận tự chịu trách nhiệm nuôi cháu K, không yêu cầu gì đối với chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Do anh đang đi làm ăn xa nên xin được Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Phạm Anh D; Giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 07-9-2017; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N và Bị đơn anh Phạm Anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị Đỗ Thị N và anh Phạm Anh D đăng ký kết hôn ngày 10-3-2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thiếu quan tâm chăm sóc đến gia đình. Từ tháng 07-2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn, anh D cũng nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng, kéo dài, đến nay các bên cũng không thiết tha tìm biện pháp hòa giải đoàn tụ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N đối với anh Phạm Anh D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị N và anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 07-9-2017, hiện đang ở với chị N. Chị N có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, anh D cũng nhất trí. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Phạm Thanh T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị N và anh D thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Phạm Anh D.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao cho chị Đỗ Thị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 07-9-2017 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được

lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị Đỗ Thị N.

3. Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002362 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Đỗ Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự: 2 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã H: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu văn phòng: 1 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Trung Kiên**